

Số: 2458/BIDV-TKHĐQT  
CBTT Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện KHKD  
năm 2021 theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Công ty: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 2220 5544

Fax: (84-24) 2220 0399

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Trần Phương** - Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-24) 22201098

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ ☐ Khác

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố thông tin Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp như đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: 2

- Như trên;

- Lưu TKHĐQT&QHCD, VP.



**Trần Phương**



Số: 549 /BC-BIDV

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH**  
**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam**  
**Năm báo cáo: 2021**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021**

**1. Thuận lợi, khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của BIDV**

**a. Thuận lợi:**

- Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, giúp ổn định kinh tế vĩ mô, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Hoạt động ngân hàng diễn ra an toàn, thông suốt, mặt bằng tỷ giá ổn định.
- BIDV được sự tin tưởng, đồng hành gắn bó của khách hàng, BIDV có nền khách hàng lớn và đa dạng, là một trong những ngân hàng có nền khách hàng cá nhân lớn nhất thị trường Việt Nam với hơn 15 triệu khách hàng.
- BIDV có nguồn nhân lực dồi dào với trên 27 nghìn cán bộ được đào tạo bài bản, chính quy, chuyên ngành phù hợp, có trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc tốt, nỗ lực, tận tâm đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng.
- BIDV có hệ thống mạng lưới rộng khắp, phủ kín 63 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng số điểm mạng lưới gồm 189 chi nhánh trong nước và 895 phòng giao dịch.

**b. Khó khăn:**

- Đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế xã hội, cũng như hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, tiềm ẩn nguy cơ gia tăng nợ xấu. Công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, ngoại bảng có thời điểm bị đình trệ do phải thực hiện giãn cách phòng chống dịch bệnh.
- Hoạt động của các chi nhánh, phòng giao dịch của BIDV trong năm 2021 tại các vùng dịch, đặc biệt tại các địa bàn như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Đồng bằng sông Cửu Long... bị ảnh hưởng; số lượng khách hàng đến giao dịch giảm mạnh, một số phòng giao dịch phải tạm dừng hoạt động theo quy định để phòng chống dịch.

**2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch**

Năm 2021, mặc dù chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, hoạt động của BIDV vẫn diễn ra an toàn, thông suốt, hoàn thành toàn diện, vượt trội





các mục tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, bảo toàn và phát triển nguồn vốn Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Bên cạnh đó, BIDV còn phát huy vai trò là Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn Nhà nước lớn; chủ động, quyết liệt triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do đại dịch; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn, giảm lãi suất/phí giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử, chủ động giảm thu nhập 7.900 tỷ đồng để hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch trong năm 2021.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh so với kế hoạch như sau:

**Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh**

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT     | Kế hoạch (riêng lẻ) | Giá trị thực hiện (riêng ngân hàng) | Giá trị thực hiện (hợp nhất) | Đánh giá |
|----|-----------------------------------|---------|---------------------|-------------------------------------|------------------------------|----------|
| 1  | Tổng doanh thu                    | Tỷ đồng | 119.130             | 119.155                             | 125.644                      | Đạt      |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng | 12.500              | 12.543                              | 13.548                       | Đạt      |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế                | Tỷ đồng | 10.000              | 10.072                              | 10.841                       | Đạt      |
| 4  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 3.702               | 4.434                               | 5.169                        | Đạt      |
| 5  | Tổng số lao động                  | Người   | 24.677              | 24.676                              | 27.142                       | Đạt      |
| 6  | Tổng quỹ lương                    | Tỷ đồng | 8.320,7             | 8.315,8                             | 9.246,7                      | Đạt      |
| a) | Quỹ lương quản lý                 | Tỷ đồng | 52,7                | 48,4                                |                              |          |
| b) | Quỹ lương lao động                | Tỷ đồng | 8.268               | 8.267,4                             |                              |          |

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 125.644 tỷ đồng, tăng 0,8% so với năm 2020. Tổng doanh thu riêng lẻ năm 2021 đạt 119.155 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch tài chính do NHNN giao (119.130 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 đạt 13.548 tỷ đồng, tăng 50,1% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế khối NHTM năm 2021 đạt 12.543 tỷ đồng, tăng 50,6% so với năm 2020, hoàn thành vượt kế hoạch tài chính do NHNN giao (12.500 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế khối NHTM năm 2021 đạt 10.072 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch tài chính NHNN giao (10.000 tỷ đồng).

- Thuế và các khoản BIDV đã nộp Nhà nước năm 2021 là 4.434 tỷ đồng (riêng Ngân hàng) và 5.169 tỷ đồng (hợp nhất), trong đó bao gồm chi trả cổ tức cho cổ đông Nhà nước 651 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch BIDV gửi Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế (3.702 tỷ đồng).

- Tổng quỹ lương riêng khối NHTM của BIDV năm 2021 là 8.315,8 tỷ đồng, tuân thủ đúng kế hoạch tiền lương NHNN giao (8.320,7 tỷ đồng).

## **II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

### **1. Các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công)**

Năm 2021, BIDV triển khai 28 dự án nhóm B bao gồm 05 dự án công nghệ thông tin và 23 dự án đầu tư xây dựng công trình. Các dự án trên đều đảm bảo tiến độ thực hiện và được triển khai theo đúng kế hoạch được phê duyệt trong đó



đã hoàn thành triển khai 02 dự án công nghệ thông tin và hoàn thành phê duyệt quyết toán 06 dự án đầu tư xây dựng công trình. Chi tiết tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án theo **Bảng số 2** tại **Phụ lục đính kèm**.

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

### a. Đầu tư vào tín phiếu, trái phiếu chính phủ, kho bạc, NHNN:

Đơn vị: tỷ đồng

| Nội dung                                                                            | Giá trị thực hiện (riêng lẻ) | Giá trị thực hiện (hợp nhất) |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Đầu tư vào Tín phiếu NHNN                                                        | 0                            | 0                            |
| 2. Đầu tư vào Tín phiếu Kho bạc                                                     | 0                            | 0                            |
| 3. Đầu tư vào các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN | 0                            | 0                            |
| 4. Giá trị tín phiếu NHNN do TCTD đưa ra cầm cố vay vốn                             | 0                            | 0                            |
| 5. Chứng khoán Chính phủ                                                            | 110.682                      | 113.973                      |

Nguồn dữ liệu: BCTC riêng lẻ, hợp nhất đã kiểm toán 2021

**b. Đầu tư vào trái phiếu TCTD khác:** 53.527 tỷ đồng (Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

**c. Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp:** Trong năm 2021, BIDV không phát sinh thêm khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp mới.

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

BIDV hiện có 06 công ty con trong đó BIDV nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trong năm 2021, mặc dù bối cảnh môi trường kinh doanh chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, các công ty trên đều hoạt động có lãi. Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các công ty theo **Bảng số 3** tại **Phụ lục đính kèm**.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 của BIDV theo các quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin theo đối tượng doanh nghiệp nhà nước tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

**Trân trọng!**

Nơi nhận: <5b>

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu: VT, KH, TKHĐQT&QHCD

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đức Tú



## PHỤ LỤC – BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Đơn vị: tỷ đồng

| TT                  | Tên dự án                                                                                               | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2021 | Thời gian thực hiện dự án                                                          | Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021                                                                                                                    |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Dự án nhóm B</b> |                                                                                                         |                 |                          |                   |                    |                                            |                                                                                    |                                                                                                                                                     |
| <b>I</b>            | <b>Các dự án công nghệ thông tin</b>                                                                    |                 |                          |                   |                    |                                            |                                                                                    |                                                                                                                                                     |
| 1                   | Dự án Chuyển đổi Hệ thống Core Banking – Hạng mục 1: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Core Banking | 578,04          | 578,04                   |                   |                    | 45,86                                      | - Thời gian thực hiện: 2016-2023<br>- Thời gian dự kiến đưa vào vận hành: Năm 2023 | Đang triển khai hợp đồng                                                                                                                            |
| 2                   | Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống Tài trợ thương mại tại BIDV                                       | 93,56           | 93,56                    |                   |                    | 83,51                                      | 2018-2021                                                                          | Dự án đã hoàn thành triển khai                                                                                                                      |
| 3                   | Dự án Phát triển mạng lưới ATM năm 2016-2017                                                            | 96              | 96                       |                   |                    | 49,02                                      | 2016-2019                                                                          | Dự án đã hoàn thành triển khai                                                                                                                      |
| 4                   | Mua sắm máy ATM đa năng (CRM) giai đoạn 2020-2022                                                       | 226,05          | 226,05                   |                   |                    | 0                                          | 2021-2024                                                                          | Dự án đã được HĐQT BIDV phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, hiện đang thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật, dự toán chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu |
| 5                   | Mua sắm máy giao dịch tự động tại quầy (STM) và phần mềm triển khai hệ thống máy giao dịch tự động      | 57,67           | 57,67                    |                   |                    | 0                                          | 2021-2025                                                                          | Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi                                                                           |



| TT                                             | Tên dự án                                                  | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2021 | Thời gian thực hiện dự án | Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021                                                                                        |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II Các dự án đầu tư xây dựng công trình</b> |                                                            |                 |                          |                   |                    |                                            |                           |                                                                                                                         |
| 1                                              | Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa                            | 50,45           | 50,45                    | 0,00              | 0,00               | 0,12                                       | 2017-2025                 | Đang triển khai lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công-tổng dự toán, thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công-tổng dự toán   |
| 2                                              | Trụ sở BIDV chi nhánh Hạ Long                              | 70,40           | 70,40                    | 0,00              | 0,00               | 0,00                                       | 2018-2025                 | Đang lập dự án đầu tư.                                                                                                  |
| 3                                              | Trụ sở làm việc BIDV tại 38-40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 82,97           | 82,97                    | 0,00              | 0,00               | 0,52                                       | 2020-2024                 | Đang điều chỉnh phương án kiến trúc tổng mặt bằng theo ý kiến của Sở QHKT tại văn bản số 5438/QHKT-KHTH ngày 29/11/2021 |
| 4                                              | Trụ sở làm việc chi nhánh Cẩm Phả                          | 88,53           | 88,53                    | 0,00              | 0,00               | 1,11                                       | 2015-2025                 | Đang triển khai lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công-tổng dự toán.                                                        |
| 5                                              | Trụ sở làm việc BIDV Lam Sơn                               | 61,73           | 61,73                    | 0,00              | 0,00               | 0,84                                       | 2019-2023                 | Đang lập thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán.                                                                       |
| 6                                              | Trụ sở làm việc chi nhánh Tam Điệp                         | 75,25           | 75,25                    | 0,00              | 0,00               | 7,19                                       | 2017-2025                 | Đang triển khai thi công phần móng                                                                                      |
| 7                                              | Trụ sở BIDV chi nhánh Bắc Quảng Bình                       | 67,54           | 67,54                    | 0,00              | 0,00               | 0,00                                       | 2018-2023                 | Đã hoàn thiện, ký kết các hợp đồng xây lắp chính, tư vấn giám sát và tổ chức khởi công công trình.                      |
| 8                                              | Trụ sở chi nhánh Kỳ Anh                                    | 56,57           | 56,57                    | 0,00              | 0,00               | 36,28                                      | 2019-2022                 | Đã hoàn thành thi công                                                                                                  |
| 9                                              | Trụ sở CN Thành Nam                                        | 119,52          | 119,52                   | 0,00              | 0,00               | 90,71                                      | 2015-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                                                                               |



| TT | Tên dự án                                    | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2021 | Thời gian thực hiện dự án | Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021                                                                              |
|----|----------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Trụ sở làm việc CN Hưng Yên                  | 136,32          | 136,32                   | 0,00              | 0,00               | 115,98                                     | 2014-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                                                                     |
| 11 | Trụ sở làm việc chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh | 85,68           | 85,68                    | 0,00              | 0,00               | 74,93                                      | 2014-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                                                                     |
| 12 | Đầu tư xây dựng trụ sở CN BIDV Nha Trang     | 62,80           | 62,80                    | 0,00              | 0,00               | 0,41                                       | 2018-2025                 | Đang lập Hồ sơ thiết kế cơ sở                                                                                 |
| 13 | Trụ sở CN Đồng Tháp                          | 71,21           | 71,21                    | 0,00              | 0,00               | 2,32                                       | 2015-2023                 | Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp, tư vấn giám sát và khởi công công trình                     |
| 14 | Trụ sở CN Quy Nhơn                           | 76,89           | 76,89                    | 0,00              | 0,00               | 8,71                                       | 2016-2023                 | Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng gói thầu xây lắp, tư vấn giám sát và khởi công công trình. |
| 15 | Trụ sở CN Nam Kỳ Khởi nghĩa                  | 115,18          | 115,18                   | 0,00              | 0,00               | 40,38                                      | 2014-2022                 | Đang triển khai thi công hoàn thiện                                                                           |
| 16 | Trụ sở CN Sài Gòn                            | 123,96          | 123,96                   | 0,00              | 0,00               | 97,54                                      | 2010-2022                 | Đã nghiệm thu phòng cháy chữa cháy và đang mời Sở Xây dựng đến nghiệm thu theo quy định.                      |
| 17 | Trụ sở CN Bà Rịa                             | 72,82           | 72,82                    | 0,00              | 0,00               | 60,82                                      | 2013-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                                                                     |
| 18 | Trụ sở CN Hội An                             | 57,66           | 57,66                    | 0,00              | 0,00               | 49,04                                      | 2015-2022                 | Đã hoàn thành thi công công trình và đang tiến hành quyết toán dự án                                          |
| 19 | Trụ sở CN Mỹ Phước                           | 70,88           | 70,88                    | 0,00              | 0,00               | 59,46                                      | 2014-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                                                                     |



| TT | Tên dự án                 | Tổng vốn đầu tư | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2021 | Thời gian thực hiện dự án | Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021                                     |
|----|---------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 20 | Trụ sở CN Phú Tài mở rộng | 64,63           | 64,63                    | 0,00              | 0,00               | 58,85                                      | 2013-2021                 | Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án.                            |
| 21 | Trụ sở CN Cà Mau          | 116,60          | 116,60                   | 0,00              | 0,00               | 71,57                                      | 2013-2022                 | Đã hoàn thành thi công công trình và đang tiến hành quyết toán dự án |
| 22 | Trụ sở CN Phú Quốc        | 112,58          | 112,58                   | 0,00              | 0,00               | 81,06                                      | 2014-2022                 | Đã hoàn thành thi công công trình và đang tiến hành quyết toán dự án |
| 23 | Trụ sở CN Chợ Lớn         | 63,10           | 63,10                    | 0,00              | 0,00               | 52,59                                      | 2015-2022                 | Đã hoàn thành thi công công trình và đang tiến hành quyết toán dự án |



**PHỤ LỤC – BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO BIDV NẤM CỐ PHẦN CHI PHỐI**

| TT        | Tên doanh nghiệp                                            | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|-----------|-------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các công ty con do BIDV nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>     |                       |                                          |                        |                     |                                |                              |                             |                                             |                            |
| 1         | Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai Thác (BAMC)                 | 100,0                 | 100,0                                    | 109,0                  | 19,5                | 0,6                            | 0,5                          | 0                           | 0,1                                         | 6,4                        |
| <b>II</b> | <b>Các công ty con do BIDV nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b> |                       |                                          |                        |                     |                                |                              |                             |                                             |                            |
| 1         | Tổng công ty bảo hiểm BIDV (BIC)                            | 1.172,8               | 544,8                                    | 6.044,5                | 3.093,6             | 502,2                          | 400,1                        | 71,8                        | 287,5                                       | 3.468,9                    |
| 2         | CTCP Chứng khoán MHB (MHBS) (*)                             | 170,0                 | 102,0                                    | 206,5                  | 16,7                | 15,2                           | 15,2                         | 0                           | 0                                           | 322,6                      |
| 3         | Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)                         | 1.583,0               | 1.294,5                                  | 25.385,0               | 1.957,0             | 58,0                           | 46,5                         | 0                           | 0                                           | 23.263,0                   |
| 4         | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)             | 2.080,3               | 2.448,2                                  | 19.267,5               | 1.188,0             | 46,2                           | 24,5                         | 0                           | 0                                           | 16.355,2                   |
| 5         | Công ty chứng khoán BIDV (BSC)                              | 1.220,7               | 762,3                                    | 6.004,7                | 1.343,8             | 435,6                          | 356,9                        | 87,8                        | 307,2                                       | 4.285,5                    |

**Ghi chú:**

(\*) MHBS: Công ty đã ngừng hoạt động từ khi BIDV nhận lại nguyên trạng từ MHB sau sáp nhập. Lợi nhuận năm 2021 của MHBS chủ yếu từ lãi tiền gửi và hoàn nhập dự phòng.

